TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2022
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tăng Thị Bạch Vân
2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: số xx, ấp N, xã Đ, huyện K, tỉnh S.

Bị đơn: Chị Đoàn Thị C, sinh năm 1976;

Địa chỉ: số xx, ấp N, xã Đ, huyện K, tỉnh S.

(Anh T có mặt; Chị C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2022, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Ngọc T trình bày:

Anh Phạm Ngọc T và chị Đoàn Thị C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Hải ngày 15/3/2012. Quan hệ vợ chồng sống không hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả.

Anh T yêu cầu ly hôn với chị Đoàn Thị C.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 04/02/2011.

Nay Anh T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị Chuyền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Đoàn Thị C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

Về con chung: Do con chung tên Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 04/02/2011, hiện đang ở cùng với nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung do đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên Tòa, bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, bị đơn nhiều lần cố tình vắng mặt, chứng tỏ bị đơn không có ý định mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn, đồng thời, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến ly hôn với bị đơn. Vì vậy, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Theo lời khai của nguyên đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có có 01 con chung tên Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 04/02/2011. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung, đồng thời cháu Phạm Thị Ngọc N có ý kiến: "nếu ba mẹ không còn chung sống với nhau nữa thì con muốn được ở với ba Tuân". Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, cho nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên là Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 04/02/2011 cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Do nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cũng không có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bị đơn nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Do nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí HNST:

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí HNST.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Phạm Ngọc T và chị Đoàn Thị C.

2. Về con chung:

Giao con chung tên là Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 04/02/2011 cho anh Phạm Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Đoàn Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Đoàn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung tên là Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 04/02/2011 do anh Phạm Ngọc T không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung:

Do anh Phạm Ngọc T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

5. Về án phí, chi phí tố tụng:

Anh Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm. Anh Phạm Ngọc T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001679 ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách không phải nộp tiếp.

6. Án xử công khai, anh Phạm Ngọc T có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Chị Đoàn Thị C không có mặt tại phiên Tòa và không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CCTHADS huyện Kế Sách;
- UBND xã (thị trấn) cấp giấy CNKH
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Duy